

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 22-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng;
Hợp đồng thế chấp tài sản; Hợp đồng
đặt cọc và hợp đồng cầm cố quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiếp.

2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng đặt cọc và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X d P (PG Bank), địa chỉ: Số 229, phố T S, phường Ng T S, quận Đ Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp.

Địa chỉ: số 132 - 134, đường Ng H, phường 2, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy Th - Phó phòng Dịch vụ Ngân hàng Bán lẻ, địa chỉ cư trú: số 95, đường L Th H G, phường A Th, thị xã H Ng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Lê Thị D, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: Ấp T H, xã T Ph, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T1 là bà Trần Ngô Hồng Kh, sinh năm 1981, địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường A Th, thị xã H Ng, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn vắng mặt).

2. Nguyễn Chúc L, sinh năm 1991, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Cẩm L, sinh năm 1995, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

4. Lâm Minh Tr, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

5. Võ Thị Ng, sinh năm 1963, địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

6. Phạm Văn M, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn vắng mặt).

7. Nguyễn Yến L, sinh năm 1997, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn vắng mặt).

8. Nguyễn Nhựt L, sinh năm 2001, địa chỉ cư trú: Ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn vắng mặt).

9. Nguyễn Thị X, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Th trình bày: Ngày 16-02-2011 ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D với Ngân hàng TMCP X d P - Chi nhánh Đồng Tháp đã cùng ký hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 26-3-2012 với những nội dung như sau:

Số tiền vay là 500.000.000đồng.

Hạn mức: 36 tháng kể từ ngày 16-02-2011 đến ngày 16-02-2014.

Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh, gia công đồ sắt.

Kỳ hạn trả nợ: trả gốc cuối kỳ, trả lãi ngày 15 hàng quý.

Lãi suất vay được quy định như sau:

Lãi suất ghi trong giấy nhận nợ: 1,25%/tháng và chịu sự điều chỉnh theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng hạn mức này; Lãi quá hạn được tính bằng 150%/mức lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay tiền theo hợp đồng trên ông T và bà D nay còn nợ: Đối với giấy nhận nợ số 04/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 08-4-2013, số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng, ngày đến hạn 15-02-2014.

Ngày 16-02-2011 ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D với Ngân hàng TMCP X d P - Chi nhánh Đồng Tháp đã cùng ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB với nội dung chính như sau:

Số tiền vay: 500.000.000 đồng.

Hạn mức: 36 tháng kể từ ngày 16-02-2011 đến ngày 16-02-2014.

Mục đích: Mua máy gặt đập liên hợp Kubota.

Kỳ hạn trả nợ: Trả gốc và lãi cùng kỳ ngày 15 hàng hàng quý.

Lãi suất vay được quy định như sau:

Lãi suất ghi trong giấy nhận nợ: 1,75%/tháng và chịu sự điều chỉnh theo quy định tại khoản 1.5 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng này; Lãi quá hạn được tính bằng 150%/mức lãi suất trong hạn.

Theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn ông T và bà D đã trả được 340.000.000đồng, còn nợ lại 160.000.000 đồng.

Tính đến ngày 11-6-2017 ông T và bà D còn thiếu Ngân hàng TMCP X d P theo các hợp đồng tín dụng với số tiền cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 16-02-2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-

TN/PGB ký ngày 26-3-2012, nợ gốc còn thiếu là 500.000.000 đồng, nợ lãi là 424.584.766 đồng, tổng cộng là 924.584.766 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB ngày 16-02-2011, nợ gốc còn thiếu gốc là 160.000.000 đồng, nợ lãi 220.888.891 đồng, tổng cộng là 380.888.891 đồng.

Khi vay ông T và bà D có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ số: 080/2010/HĐTC/PGB ngày 15-02-2011 và hợp đồng bổ sung thế chấp bằng quyền sử dụng đất số: 01/080/2010/PLHĐTC/PGB ngày 28-3-2012.

Quyền sử dụng đất tại các thửa số 847, 856, 857, 1160, 2612, tờ bản đồ số 04, diện tích 33.806m² đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

Quyền sử dụng đất tại thửa 1137, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.937m² đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

Quyền sử dụng đất tại thửa 908, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.195m² đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

Quyền sử dụng đất tại thửa 858, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m² đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp.

Các quyền sử dụng đất trên do hộ bà Lê Thị D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay anh Nguyễn Duy Th là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X d P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X d P số nợ còn thiếu gốc và lãi tạm tính đến ngày 22-9-2020 theo các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 16-02-2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 26-3-2012, nợ gốc còn thiếu là 500.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 818.787.240 đồng, tổng cộng là 1.318.787.240 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng trên đến khi thanh toán xong.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB ngày 16-02-2011, nợ gốc còn thiếu gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 405.419.476 đồng, tổng cộng là 565.419.476 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng trên đến khi thanh toán xong.

Yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 080/2010/HĐTC/PGB ngày 15-02-2011 và hợp đồng bổ sung thế chấp bằng quyền sử dụng đất số: 01/080/2010/PLHG9TC/PGB ngày 28-3-2012 giữa Ngân hàng TMCP X d P - Chi nhánh Đồng Tháp với gia đình ông T và bà D.

Nhưng đối với thửa 2612, diện tích 5.034m² và thửa 908, diện tích 4.195m², tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H. Hai thửa đất trên ông T và bà D không có sử dụng và Tòa án đã xác minh thực tế và nhiều cơ quan chuyên môn cũng không biết ai đang quản lý và sử dụng 02 thửa đất trên. Do đó, Ngân hàng TMCP X d P không yêu cầu đối với 02 thửa đất số 2612, diện tích 5.034m² và thửa 908, diện tích 4.195m², tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H. Nên Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với 02 thửa đất này, không yêu cầu xử lý, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác. Còn lại diện tích thực tế của các thửa đất còn lại bao nhiêu thì Ngân hàng TMCP X d P yêu cầu xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP X d P.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP X d P - Chi nhánh Đồng Tháp đã tạm ứng và đã thanh toán xong cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T H. Nên yêu cầu ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X d P số tiền 5.570.000đồng theo hóa đơn bán hàng số 0049165.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T đồng thời ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L trình bày: Qua ý kiến của anh Nguyễn Duy Th ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X d P số tiền vay còn thiếu theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 16-02-2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 26-3-2012, nợ gốc 500.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 818.787.240 đồng, tổng cộng là 1.318.787.240 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng trên đến khi thanh toán xong.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB ngày 16-02-2011, nợ gốc còn thiếu gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 405.419.476 đồng, tổng cộng là 565.419.476 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng trên đến khi thanh toán xong.

Ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L đồng ý thực hiện theo hợp đồng thế chấp, bảo đảm giữa hộ ông T với Ngân hàng TMCP X d P - Chi nhánh Đồng Tháp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L đồng ý liên đới trả lại cho Ngân hàng TMCP X d P số tiền 5.570.000 đồng theo hóa đơn bán hàng số 0049165.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người của quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 là bà Trần Ngô Hồng Kh trình bày:

Từ năm 2012 - 2013, ông T1 có thỏa thuận miệng với ông T và bà D để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích là 15.000 m², thuộc thửa số

1160, tờ bản đồ số 04, đất tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H, tỉnh Đồng Tháp với giá chuyển nhượng là 55.000.000đồng/01 công tầm cắt. Tổng số tiền là 632.500.000đồng. Ngày 26-11-2012 ông T1 đặt cọc cho ông T và bà D số tiền là 300.000.000đồng, đến ngày 08-01-2013 ông T1 giao tiếp số tiền là 132.000.000đồng, tổng cộng là 432.000.000 đồng (có biên nhận do ông T và bà Duyên ký tên), số tiền còn lại 200.500.000 đồng khi nào làm thủ tục chuyển nhượng xong trả hết cho vợ chồng ông T. Nhưng từ khi ông T1 giao tiền cho ông T và bà D đến nay ông T và bà D vẫn không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông T1, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà D đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP X d P Chi nhánh Đồng Tháp. Do đó, ông T và bà D không thể làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất qua cho ông T1 được. Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trả lại số tiền đặt cọc còn thiếu gốc là 432.000.000đồng và lãi là 250.920.000đồng, tổng cộng là 682.920.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Ngô Hồng Kh là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trả lại số tiền đặt cọc còn thiếu gốc là 432.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đến ngày 03-5-2019 ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trên.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Minh Tr trình bày: Vào ngày 26-4-2004 ông Tr có làm giấy tay có đất với vợ chồng ông T và bà D diện tích là 05 công tầm cắt với số tiền là 20.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24 kara 09 tuổi 08, thời hạn chuộc lại đất là 03 năm kể từ ngày 26-4-2004 đến ngày 26-4-2007, nếu đến ngày chuộc lại đất ông T và bà D không có tiền và vàng chuộc lại đất thì ông Tr tiếp tục canh tác. Đến nay ông T và bà D chưa chuộc lại đất, nên ông Tr canh tác cho đến nay.

Qua kết quả đo đạc thực tế phần đất ông Tr đang canh tác phần đất cổ của ông T và bà D diện tích là 6.538,3m², thuộc một phần thửa 1160, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H.

Nay Ngân hàng TMCP X d P khởi kiện gia đình ông T và xử lý hợp đồng thế chấp trong đó có phần đất mà gia đình ông T cầm cố cho ông Tr.

Ông Lâm Minh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trả lại số tiền cầm cố đất là 20.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24 kara 09 tuổi 08, không yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu hủy giấy tay có đất ngày 26-4-2004 giữa ông Tr với ông T và bà D.

Ông Tr đồng ý trả lại cho ông T và bà D quyền sử dụng đất diện tích là $6.538,3m^2$, thuộc một phần thửa 1160, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H.

Ông T và bà D thống nhất theo toàn bộ yêu cầu của ông Tr và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ng trình bày: Vào ngày 23-8-2009 bà Ng và ông T, bà D có làm giấy tay cố đất diện tích là 05 công tằm cất với giá là 116.000.000 đồng, thời hạn chuộc lại đất là hai năm, kể từ ngày 23-8-2009 đến ngày 23-8-2011, nếu đến ngày chuộc lại đất ông T bà D không có tiền chuộc lại đất thì bà Ng tiếp tục canh tác. Đến nay ông T và bà D chưa chuộc lại đất, nên bà Ng canh tác cho đến nay.

Qua kết quả đo đạc thực tế phần đất bà Ng đang canh tác đất của ông T và bà D có diện tích là $2.873,2m^2$ thuộc một phần thửa 847 và diện tích $3.736,7m^2$ thuộc một phần thửa 1160, tổng diện tích là $6.609,9m^2$ tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H.

Nay Ngân hàng TMCP X d P khởi kiện gia đình ông T và xử lý hợp đồng thế chấp trong đó có phần đất mà gia đình ông T cầm cố cho bà Ng.

Bà Võ Thị Ng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trả lại số tiền cố đất là 100.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu hủy hợp đồng cố đất ngày 23-8-2009 giữa bà Ng với ông T và bà D.

Bà Ng đồng ý trả lại cho ông T và bà D quyền sử dụng đất diện tích là $2.873,2m^2$ thuộc một phần thửa 847 và diện tích $3.736,7m^2$ thuộc một phần thửa 1160, tổng diện tích là $6.609,9 m^2$ tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H.

Ông T và bà D thống nhất theo toàn bộ yêu cầu của bà Ng và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn M trình bày: Trước đây ông M đang thuê đất của bà Ng, nhưng đất này là của ông T và bà D, nên ông M thống nhất trả lại đất cho ông T và bà D, còn đối với việc thuê đất của bà Ng thì ông M không có yêu cầu gì trong vụ án này nếu sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Yên L và Nguyễn Nhựt L trình bày: Đối với số tiền vay của ông T và bà D thì anh, chị không biết. Đối với hợp đồng thế chấp thì anh, chị đang trong hộ của ông T và bà D thì thống nhất theo hợp đồng thế chấp, không có tranh chấp gì đồng ý để thi hành theo quy định của pháp luật.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày: Đối với số tiền vay vốn của ông T và bà D, bà X không có liên quan đến, còn đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông T trong đó có ông T2 là anh ruột của bà X, thì bà X có ý kiến như sau, đối với tài sản thế chấp quyền sử dụng tại Ngân hàng là của hộ ông T, bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với tài sản đó, vì tài sản đó là của hộ ông T.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X d P và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Minh Tr và bà Võ Thị Ng, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 16-02-2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 26-3-2012 mục đích vay tiền của ông T và bà D là bổ sung vốn kinh doanh, gia công đồ sắt. Ngân hàng TMCP X d P cho ông T bà D vay là giữa Ngân hàng TMCP X d P với cá nhân ông T, bà D không phải là hộ đăng ký kinh doanh của bà D và ông T cũng trình bày số tiền vay trên sử dụng vào việc khác (nuôi cá) không phải kinh doanh. Đồng thời, theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB ngày 16-02-2011 mục đích vay tiền của ông T và bà D là mua máy gặt đập liên hợp Kubota. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng đặt cọc và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn M, chị Nguyễn Yến L, anh Nguyễn Nhật L, bà Nguyễn Thị X và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngô Hồng Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn M, chị Nguyễn Yến L, anh Nguyễn Nhật L, bà Nguyễn Thị X và bà Trần Ngô Hồng Kh tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP X d P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X d P số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 16-02-2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 26-3-2012, nợ gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 818.787.240 đồng, tổng cộng là 1.318.787.240 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB ngày 16-02-2011, nợ gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 405.419.476 đồng, tổng cộng là 565.419.476 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Tổng cộng tiền gốc là 660.000.000 đồng, tiền lãi là 1.224.206.716 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.884.206.716 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 080/2010/HĐTC/PGB ngày 15-02-2011 và hợp đồng bổ sung thế chấp bằng quyền sử dụng đất số: 01/080/2010/PLHG9TC/PGB ngày 28-3-2012 giữa Ngân hàng TMCP X d P - Chi nhánh Đồng Tháp với gia đình ông T và bà D.

Nhưng đối với thửa 2612, diện tích 5.034m² và thửa 908, diện tích 4.195m², tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H trong hợp đồng thế chấp, nay Ngân hàng TMCP X d P xin rút yêu cầu đối với 02 thửa đất này không yêu cầu xử lý, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác. Còn lại các thửa đất khác theo hợp đồng thế chấp thì yêu cầu xử lý theo diện tích thực tế. Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L thống nhất toàn bộ theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP X d P. Hội đồng xét xử công nhận các sự thỏa thuận trên của các đương sự.

Công nhận sự tự nguyện của ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X d P số tiền vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 16-02-2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 26-3-2012, nợ gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 818.787.240 đồng, tổng cộng là 1.318.787.240 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB ngày 16-02-2011, nợ gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 405.419.476 đồng, tổng cộng là 565.419.476 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Tổng cộng tiền gốc là 660.000.000 đồng, tiền lãi là 1.224.206.716 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.884.206.716 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Xét về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 080/2010/HĐTC/PGB ngày 15-02-2011 và hợp đồng bổ sung thế chấp bằng quyền sử dụng đất số: 01/080/2010/PLHG9TC/PGB ngày 28-3-2012, có nội dung và được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thế chấp, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, không thanh toán nợ cho nguyên đơn đúng thời hạn thỏa thuận. Tuy nhiên theo hợp đồng thế chấp tại thửa 2612, diện tích 5.034m² và thửa 908, diện tích 4.195m², tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp Ch M, xã Th B, huyện T H nay Ngân hàng TMCP X d P đã rút yêu cầu, không yêu cầu xử lý đối với hai thửa đất này. Do đó, chấp nhận một phần hợp đồng thế chấp tại các thửa 847; 856; 857; 1160; 1137; 858 (theo diện tích đo đạc thực tế) và đình chỉ giải quyết một phần hợp đồng thế chấp tại thửa 2612 và thửa 908 khi nào các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[2.2] Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Lâm Minh Tr với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D.

Ông Lâm Minh Tr yêu cầu giải quyết hủy giấy tay cố đất ngày 26-4-2004 giữa ông Lâm Minh Tr với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D và yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trả lại số tiền là 20.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 kara 09 tuổi 08 và đồng ý trả lại đất theo diện tích đo đạc thực tế là 6.538,4m², thuộc một phần thửa 1160, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D thống nhất toàn bộ theo yêu cầu của ông Lâm Minh Tr. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

Đối với bồi thường thiệt hại về việc hủy giấy tay cố đất ngày 26-4-2004 do các đương sự không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Ng với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D.

Bà Võ Thị Ng yêu cầu hủy hợp đồng cố đất ngày 23-8-2009 giữa bà Võ Thị Ng với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D và yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trả lại số tiền cố đất là 100.000.000 đồng. Bà Võ Thị Ng đồng ý trả lại cho ông T và bà D quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích là 2.873,2 m² thuộc một phần thửa 847 và diện tích 3.736,7m² thuộc một phần thửa 1160, tổng diện tích là 6.609,9 m² tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D thống nhất toàn bộ theo yêu cầu của bà Võ Thị Ng. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

Đối với bồi thường thiệt hại về việc hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 23-8-2009 do các đương sự không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do ông Phạm Văn M không yêu cầu bà Võ Thị Ng trả lại tiền thuê quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này ông M có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[2.4] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T1, yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D trả lại số tiền đặt cọc còn thiếu gốc là 432.000.000đồng, không tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 03-5-2019 ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D là tự nguyện. Do đó, đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L đồng ý chịu 5.570.000đồng, nhưng Ngân hàng TMCP X d P đã thanh toán xong theo hóa đơn bán hàng số 0049165 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T H nên ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP X d P.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền trả nợ cho Ngân hàng TMCP X d P.

Ông T, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền, số vàng trả cho ông Tr, bà Ng và hủy hợp đồng cầm cố đất.

Ngân hàng TMCP X d P, ông T1, ông Tr, bà Ng, ông M, chị Yến L, anh Nhựt L và bà X không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 121, Điều 122, Điều 127, Điều 137, Điều 302, Điều 342, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 đối với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Minh Tr.

Hủy giấy tay cổ đất ngày 26-4-2004 giữa ông Lâm Minh Tr với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D đồng ý liên đới trả cho ông Lâm Minh Tr số tiền và vàng cổ đất là 20.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24 kara 09 tuổi 08.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lâm Minh Tr trả lại quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D theo diện tích đo đạc thực tế là 6.538,4m² tại một phần thửa 1160, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H.

Có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Tr dài 114,58 m;

Hướng Tây giáp đất bà D dài 118,47 m;

Hướng Nam giáp đất ông B dài 54,14 m;

Hướng Bắc giáp một phần thửa 1160 (đất bà Ng đang canh tác) dài 59,02 m;

(Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 23-5-2018 và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T H ngày 20-6-2018).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Ng.

Hủy hợp đồng cổ đất ngày 23-8-2009 giữa bà Võ Thị Ng với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D đồng ý liên đới trả cho bà Võ Thị Ng số tiền cổ đất là 100.000.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Ng trả lại quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D theo diện tích đo đạc thực tế là 2.873,2 m² thuộc một phần thửa 847 và diện tích là 3.736,7m² thuộc một phần thửa 1160, tổng diện tích là 6.609,9 m² tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Ch M, xã Th B, huyện T H.

Diện tích 2.873,2 m² thuộc một phần thửa 847 có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp một phần thửa 1160 (đất bà Ng đang canh tác) dài 53,49 m;

Hướng Tây giáp thửa 1002 dài 53 m;

Hướng Nam giáp một phần thửa 847 (đất bà D đang canh tác) dài 60,69 m;

Hướng Bắc giáp đường nước dài 54,99 m

Diện tích 3.736,7m² thuộc một phần thửa 1160 có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Tr dài 54,44 m;

Hướng Tây giáp một phần thửa 847 (đất bà Ng đang canh tác) dài 53,49 m;

Hướng Nam giáp một phần thửa 847 (đất bà D đang canh tác) và một phần thửa 1160 (đất ông Tr đang canh tác) dài 68,3 m;

Hướng Bắc giáp đường nước dài 69,83 m;

(Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 23-5-2018 và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T H ngày 20-6-2018).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X d P.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X d P số tiền vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số: 080A/2011/HĐHM-TN/PGB ngày 16-02-2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 01/080A/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 26-3-2012, nợ gốc là 500.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 818.787.240 đồng, tổng cộng là 1.318.787.240 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 080B/2011/HĐTD/TH-TN/PGB ngày 16-02-2011, nợ gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22-9-2020 là 405.419.476 đồng, tổng cộng là 565.419.476 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Tổng cộng tiền gốc là 660.000.000 đồng, tiền lãi là 1.224.206.716 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.884.206.716 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23-9-2020 theo các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

Công nhận một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 080/2010/HĐTC/PGB ngày 15-02-2011 và hợp đồng bổ sung thế chấp bằng quyền sử

dụng đất số: 01/080/2010/PLHG9TC/PGB ngày 28-3-2012 tại các thửa 847; 856; 857; 1160; 1137; 858 (theo diện tích đo đạc thực tế).

Đình chỉ giải quyết một phần hợp đồng thế chấp tại thửa 2612 và thửa 908, khi nào các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.570.000đồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L phải liên đới chịu. Ngân hàng TMCP X d P đã tạm ứng và đã thanh toán xong cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T H. Nên ông T, bà D, chị Chúc L và chị Cẩm L phải liên đới trả lại cho Ngân hàng TMCP X d P chi phí xem xét, thẩm định là 5.570.000đồng theo hóa đơn bán hàng số 0049165.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D đồng ý liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền, vàng trả cho ông Tr và án phí hủy giấy tay cổ đất là 5.500.000đồng.

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị D đồng ý liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền trả cho bà Ng và án phí hủy hợp đồng cổ đất là 5.300.000đồng.

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị D, chị Nguyễn Chúc L và chị Nguyễn Cẩm L đồng ý liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền trả cho Ngân hàng TMCP X d P là 68.526.000 đồng.

Ông Lâm Minh Tr không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Lâm Minh Tr số tiền 2.280.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001861 ngày 25-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Bà Võ Thị Ng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Võ Thị Ng số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002142 ngày 07-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H.

Ngân hàng TMCP X d P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X d P số tiền 25.582.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 03809 ngày 05-12-2017 (do Bùi Hữu T nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H.

Ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 8.829.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 03831 ngày 15-12-2017 (do Trần Ngô Hồng Kh nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H.

Ông Phạm Văn M, chị Nguyễn Yến L, anh Nguyễn Nhựt L và bà Nguyễn Thị X không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP X d P, ông T, bà D, chị Chúc L, chị Cẩm L, ông Tr và bà Ng được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-9-2020). Ông Nguyễn Văn T1, ông Phạm Văn M, chị Nguyễn Yến L, anh Nguyễn Nhật L và bà Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương